

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Lê Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Đoàn Mạnh Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Phạm Thế Dũng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên	
Ông Lâm Mai Tuyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Trần Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2016
Ông Đoàn Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Mạnh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Lâm Mai Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Nguyễn Thiện Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2016

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÈP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Số: 347/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 31/12/2016 nợ ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn 341,3 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 300,9 tỷ đồng. Điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính nêu trên.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



*[Handwritten signature in blue ink]*

*[Handwritten signature in blue ink]*

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017*

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>285.049.689.996</b>	<b>91.684.794.124</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.339.551.441	2.850.406.333
111	1. Tiền		3.339.551.441	2.850.406.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		252.840.983.697	54.382.429.836
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	194.280.953	21.323.017.918
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	219.722.014.450	37.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	33.118.969.247	33.215.768.071
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(194.280.953)	(194.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.973.386.769	32.678.226.740
141	1. Hàng tồn kho		26.973.386.769	35.782.532.180
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.104.305.440)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.895.768.089	1.773.731.215
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.895.608.997	1.773.572.123
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		159.092	159.092
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.080.848.295.867</b>	<b>1.143.663.890.049</b>
220	II. Tài sản cố định		1.067.682.598.960	1.121.361.333.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.067.506.274.980	1.121.158.886.960
222	- Nguyên giá		1.222.520.340.524	1.222.179.140.524
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(155.014.065.544)	(101.020.253.564)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	176.323.980	202.446.048
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.676.020)	(43.553.952)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.165.696.907	22.302.557.041
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13.165.696.907	22.302.557.041
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.365.897.985.863</b>	<b>1.235.348.684.173</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.158.869.773.898</b>	<b>1.072.336.696.223</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>626.355.843.815</b>	<b>541.947.278.844</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	29.434.262.780	34.576.825.470
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	240.086.894.709	2.935.250.994
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.033.306.263	1.364.837.172
314	4. Phải trả người lao động		12.418.979.892	2.819.338.157
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.508.279.089	2.831.791.501
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	54.067.208.428	228.478.936.334
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	287.802.787.654	268.936.174.216
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.125.000	4.125.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>532.513.930.083</b>	<b>530.389.417.379</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	123.290.643.026	1.166.130.322
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	409.223.287.057	529.223.287.057
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>207.028.211.965</b>	<b>163.011.987.950</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>207.028.211.965</b>	<b>163.011.987.950</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(300.971.789.502)	(344.988.013.517)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(344.988.013.517)	(262.106.657.913)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		44.016.224.015	(82.881.355.604)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.365.897.985.863</b>	<b>1.235.348.684.173</b>

*CP*

*12/12/2016*



Phan Lệ Giang  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	507.482.127.345	434.706.703.224
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	1.506.562.050
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		507.482.127.345	433.200.141.174
11	4. Giá vốn hàng bán	21	380.286.723.588	395.716.387.565
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.195.403.757	37.483.753.609
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	29.207.291	75.587.086
22	7. Chi phí tài chính	23	76.266.165.306	109.498.923.403
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		73.908.696.776	83.446.956.762
25	8. Chi phí bán hàng	24	1.076.122.824	1.909.611.059
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.030.687.240	9.761.049.160
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.851.635.678	(83.610.242.927)
31	11. Thu nhập khác	26	10.685.617.403	1.595.370.975
32	12. Chi phí khác	27	521.029.066	866.483.652
40	13. Lợi nhuận khác		10.164.588.337	728.887.323
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.016.224.015	(82.881.355.604)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		44.016.224.015	(82.881.355.604)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	866	(1.632)

*Phan Lê Giang*

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		44.016.224.015	(82.881.355.604)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		54.019.934.048	39.999.177.615
03	- Các khoản dự phòng		(3.104.305.440)	(4.166.935.234)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(387.236)	14.545.667.896
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.820.055)	(75.587.086)
06	- Chi phí lãi vay		73.908.696.776	83.446.956.762
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		168.811.342.108	50.867.924.349
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(198.458.553.861)	13.178.953.476
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.809.145.411	123.168.763.006
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		233.747.847.306	(71.011.652.206)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.014.823.260	(1.406.703.126)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(119.904.079.845)	(82.747.980.415)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	287.650.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(283.525.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		102.020.524.379	32.053.430.084
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(427.200.000)	(39.554.730.163)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.820.055	75.587.086
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(398.379.945)	(39.479.143.077)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		386.960.072.766	214.559.290.794
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(488.093.459.328)	(257.473.116.578)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(101.133.386.562)	(42.913.825.784)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		488.757.872	(50.339.538.777)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.850.406.333	53.189.945.110
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		387.236	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.339.551.441</u>	<u>2.850.406.333</u>

*Ctr*

*1/1/2017*



Phan Lê Giang  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

11705  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM T  
ASO  
KIỂM - V

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2016*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép, phôi thép, quặng kim loại);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và dụng cụ khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất thép);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 31/12/2016 nợ ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn 341,3 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 300,9 tỷ đồng. Điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo Quyết định số 2968/QĐ-BCT ngày 18/07/2016 của Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với ngành thép, thị trường tiêu thụ thép thương hiệu TTR của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được tạo điều kiện thuận lợi. Công ty đẩy mạnh tiêu thụ toàn bộ thép thương hiệu TTR tồn kho từ đầu năm 2016 với giá bán tăng theo mặt bằng chung của ngành, khắc phục được tình trạng thua lỗ lớn năm 2015.

Đồng thời, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung đã ký kết các hợp đồng gia công thép thương hiệu TISCO với các điều khoản trong đó Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên cung cấp nguyên liệu chính, đồng thời bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất ra do đó sẽ giảm áp lực về vốn lưu động để mua nguyên liệu và các chi phí sản xuất, đảm bảo khả năng hoạt động của Công ty trong năm 2017. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;



- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCĐN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao của các tài sản cố định còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG.**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	127.970.959	68.904.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.211.580.482	2.781.501.901
	<b>3.339.551.441</b>	<b>2.850.406.333</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	156.505.633	156.505.633
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	37.775.320
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	-	21.128.736.965
	<b>194.280.953</b>	<b>21.323.017.918</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>21.128.736.965</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP thương mại Thái Hưng (*)	218.479.529.650	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.242.484.800	-	37.924.800	-
	<b>219.722.014.450</b>	<b>-</b>	<b>37.924.800</b>	<b>-</b>

(\*) Theo điều khoản hợp đồng mua bán phôi thép số 10.12.2016 ngày 10/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng, Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng sẽ thực hiện bán cho Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung 50.000 tấn phôi +/-10%). Theo đó, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung phải thực hiện ứng trước số tiền 295.350.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo cam kết trong hợp đồng.

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	63.073.450	-	119.410.250	-
Phải thu về chi phí đầu tư dây truyền cán thép 50 vạn tấn/năm (*)	32.862.499.387	-	32.862.499.387	-
Phải thu khác	193.396.410	-	233.858.434	-
	<b>33.118.969.247</b>	<b>-</b>	<b>33.215.768.071</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản phải thu về chi phí đầu tư dây truyền cán thép 500.000 tấn/năm chưa được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản do không đủ hồ sơ năm 2014. Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng công nợ phải thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2014 là 73,69 tỷ. Tại 31/12/2015, Công ty đã tập hợp hồ sơ là 40,80 tỷ, bao gồm phần tăng nguyên giá Tài sản cố định là 38,8 tỷ và thuế giá trị gia tăng đầu vào. Khoản chi phí 32,86 tỷ còn lại đang được Công ty tiếp tục tập hợp hồ sơ để ghi tăng tổng mức đầu tư ban đầu và sẽ ghi tăng bổ sung Nguyên giá tài sản cố định vào năm 2017 theo quy định.

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	156.505.633	-	156.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<u>194.280.953</u>	<u>-</u>	<u>194.280.953</u>	<u>-</u>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.749.911.500	-	17.308.250.336	-
Công cụ, dụng cụ	223.475.269	-	237.588.348	-
Thành phẩm	-	-	18.236.693.496	(3.104.305.440)
	<u>26.973.386.769</u>	<u>-</u>	<u>35.782.532.180</u>	<u>(3.104.305.440)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	163.562.968.277		896.041.871.661	109.929.924.003	150.696.320	52.493.680.263	1.222.179.140.524					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	427.200.000	427.200.000					
- Giảm do điều chỉnh giá trị quyết toán	-	-	-	(86.000.000)	-	-	(86.000.000)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>163.562.968.277</b>	<b>896.041.871.661</b>	<b>109.929.924.003</b>	<b>150.696.320</b>	<b>52.493.680.263</b>	<b>1.222.179.140.524</b>						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	10.871.380.900	70.831.481.927	12.035.959.323	150.696.320	7.130.735.094	101.020.253.564						
- Khấu hao trong năm	6.572.411.124	38.698.947.925	5.171.143.747	-	3.551.309.184	53.993.811.980						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.443.792.024</b>	<b>109.530.429.852</b>	<b>17.207.103.070</b>	<b>150.696.320</b>	<b>10.682.044.278</b>	<b>155.014.065.544</b>						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	152.691.587.377	825.210.389.734	97.893.964.680	-	45.362.945.169	1.121.158.886.960						
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>146.119.176.253</b>	<b>786.511.441.809</b>	<b>92.636.820.933</b>	<b>-</b>	<b>42.238.835.985</b>	<b>1.067.506.274.980</b>						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.067.506.274.980 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.029.896.320 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Trong năm, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với tổng nguyên giá là 246.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 69.676.020 đồng, trong đó chi phí khấu hao trong năm là 26.122.068 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.097.480.902	899.070.910
Chi phí mua bảo hiểm	536.669.765	562.501.213
Chi phí biển quảng cáo	261.458.330	312.000.000
	<b>1.895.608.997</b>	<b>1.773.572.123</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.917.886.963	19.806.937.153
Chi phí chuyển giao công nghệ	1.247.809.944	2.495.619.888
	<b>13.165.696.907</b>	<b>22.302.557.041</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty CP Quốc tê Hưng Thái	11.469.723.182	11.469.723.182	-	-
Công ty CP Thương mại và xây dựng Quỳnh	6.620.530.617	6.620.530.617	8.017.545.910	8.017.545.910
Phải trả các đối tượng khác	11.344.008.981	11.344.008.981	26.559.279.560	26.559.279.560
	<b>29.434.262.780</b>	<b>29.434.262.780</b>	<b>34.576.825.470</b>	<b>34.576.825.470</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</b>				
	<b>50.318.014</b>	<b>50.318.014</b>	<b>30.755.146</b>	<b>30.755.146</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thép Việt Ý (*)	235.444.306.020	-
Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú	242.011.599	2.450.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Thái Hà	-	284.658.115
Người mua trả tiền trước khác	4.400.577.090	200.592.879
	<b>240.086.894.709</b>	<b>2.935.250.994</b>

(\*) Theo hợp đồng mua bán thép số 1512/HĐMB/2016/TT-Vis giữa Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung và Công ty Cổ phần Thép Việt Ý, Công ty Cổ phần Thép Thái Trung sẽ bán cho đối tác 50.000 tấn (+/-10%), theo đó, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý thực hiện đặt cọc trước số tiền 336.600.000.000 đồng theo điều khoản hợp đồng trước ngày 25/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.363.787.172		22.117.628.845		22.448.109.754		-			1.033.306.263
Thuế Thu nhập cá nhân	-		1.050.000		12.372.435		13.422.435		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		163.918.086		163.918.086		-			-
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-			-
	-		<b>1.364.837.172</b>		<b>22.296.919.366</b>		<b>22.628.450.275</b>		-			<b>1.033.306.263</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.221.685.267	2.307.772.948
Chi phí thẩm tra dự án đầu tư xây dựng cơ bản	235.954.364	491.330.000
Chi phí phải trả khác	50.639.458	32.688.553
	<b>1.508.279.089</b>	<b>2.831.791.501</b>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	77.751.100	26.905.409
Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án trong năm 2017	44.909.295.388	222.300.011.161
Phải trả về lãi chậm thanh toán	6.934.340.244	6.135.072.055
Phải trả Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú về tiền đặt cọc hợp đồng đã thanh lý	794.763.906	-
Phải trả Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú về tiền lãi khoản ký cược theo cam kết	115.989.569	-
Phải trả Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - NM Cán thép Lưu Xá về lãi tiền gia công ứng trước	1.125.545.154	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	109.523.067	16.947.709
	<b>54.067.208.428</b>	<b>228.478.936.334</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.166.130.322
Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án từ năm 2018 đến năm 2020	123.290.643.026	-
	<b>123.290.643.026</b>	<b>1.166.130.322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . VAY**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (1)	148.936.174.216	148.936.174.216	386.960.072.766	368.093.459.328	167.802.787.654	167.802.787.654
- Nợ dài hạn đến hạn trả (2)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
	<u>268.936.174.216</u>	<u>268.936.174.216</u>	<u>506.960.072.766</u>	<u>488.093.459.328</u>	<u>287.802.787.654</u>	<u>287.802.787.654</u>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn (2)	649.223.287.057	649.223.287.057	-	120.000.000.000	529.223.287.057	529.223.287.057
	<u>649.223.287.057</u>	<u>649.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>529.223.287.057</u>	<u>529.223.287.057</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>529.223.287.057</u>	<u>529.223.287.057</u>			<u>409.223.287.057</u>	<u>409.223.287.057</u>

(1) Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn được thuyết minh tại phụ lục 1 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính

(2) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được thuyết minh tại phụ lục 2 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(14.545.667.896)	(262.106.657.913)	231.347.675.658
Lỗ trong năm trước	-	-	(82.881.355.604)	(82.881.355.604)
Tăng khác	-	14.545.667.896	-	14.545.667.896
Số dư cuối năm trước	508.000.001.467	-	(344.988.013.517)	163.011.987.950
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	-	(344.988.013.517)	163.011.987.950
Lãi trong năm nay	-	-	44.016.224.015	44.016.224.015
Số dư cuối năm nay	508.000.001.467	-	(300.971.789.502)	207.028.211.965

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387	93,68%
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080	4,77%
Các cổ đông khác	7.914.930.000	1,55%	7.914.930.000	1,55%
	508.000.001.467	100%	508.000.001.467	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>a) Tài sản nhận giữ hộ</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Phôi nhận gia công (tấn)	19.767	46.738
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Đồng đô la Mỹ (USD)	388,29	388,29
Đồng Euro (EUR)	75,03	106,00
<b>20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	112.980.644.058	151.395.513.770
Doanh thu cung cấp dịch vụ	394.501.483.287	283.311.189.454
	<b>507.482.127.345</b>	<b>434.706.703.224</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>394.591.171.561</b>	<b>283.311.189.455</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		
<b>21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	113.190.006.952	177.826.590.957
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	270.201.022.076	222.251.012.795
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.104.305.440)	(4.361.216.187)
	<b>380.286.723.588</b>	<b>395.716.387.565</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.820.055	75.587.086
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	387.236	-
	<b>29.207.291</b>	<b>75.587.086</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	73.908.696.776	83.446.956.762
Lãi tài khoản ký quỹ của khách hàng	-	1.431.206.459
Lãi trả chậm khách hàng	1.231.897.621	10.075.092.286
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	14.545.667.896
Lãi tiền gia công ứng trước	1.125.545.154	-
Chi phí tài chính khác	25.755	-
	<b>76.266.165.306</b>	<b>109.498.923.403</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	134.812.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.688.678	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.737.031	1.442.730.639
Chi phí khác bằng tiền	86.697.115	332.067.796
	<b>1.076.122.824</b>	<b>1.909.611.059</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.024.646	243.286.686
Chi phí nhân công	9.136.301.802	4.765.970.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.538.424	821.684.424
Thuế, phí, lệ phí	163.918.086	187.478.912
Chi phí dự phòng	-	194.280.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.307.171.062	978.323.442
Chi phí khác bằng tiền	2.474.733.220	2.570.024.091
	<b>16.030.687.240</b>	<b>9.761.049.160</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ nhập phế liệu đầu mẫu	821.571.731	1.594.256.996
Thu nhập từ bán xỉ bùn thu hồi	304.800.000	-
Thu nhập từ cầu phôi thép	276.083.692	-
Thu nhập từ giảm lãi vay ân hạn (*)	9.190.777.359	-
Thu nhập từ cắt mẫu phôi thử nghiệm cơ tính	41.643.543	-
Tiền hưởng dẫn thực tập tốt nghiệp	21.400.000	-
Thu nhập khác	29.341.078	1.113.979
	<b>10.685.617.403</b>	<b>1.595.370.975</b>

(\*) Theo biên bản họp giữa các ngân hàng đồng tài trợ với Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung và theo Thông báo lãi số tiền lãi vay cơ cấu nợ chính thức ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung phải trả số tiền lãi 168.199.938.414 đồng. Giá trị chênh lệch giữa lãi vay tạm tính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung với xác nhận của các ngân hàng được Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016.

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	865.458.002
Chi phí thu gom phế liệu đầu mẫu	86.990.550	-
Chi phí hút bùn xỉ bể lắng	103.593.644	-
Chi phí cầu phôi thép	276.083.692	-
Chi phí cắt mẫu phôi thử nghiệm cơ tính	27.472.189	-
Chi phí dẫn thực tập tốt nghiệp	19.840.000	-
Chi phí khác	7.048.991	1.025.650
	<b>521.029.066</b>	<b>866.483.652</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	44.016.224.015	(82.881.355.604)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.016.224.015	(82.881.355.604)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>866</b>	<b>(1.632)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.868.610.428	211.141.285.790
Chi phí nhân công	36.357.640.233	16.695.818.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.019.934.048	39.999.177.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.244.735.766	9.681.306.390
Chi phí khác bằng tiền	2.770.225.121	4.012.754.730
	<b>382.261.145.596</b>	<b>281.530.343.058</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	3.339.551.441	-	2.850.406.333	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.313.250.200	(194.280.953)	54.538.785.989	(194.280.953)
	<b>36.652.801.641</b>	<b>(194.280.953)</b>	<b>57.389.192.322</b>	<b>(194.280.953)</b>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			697.026.074.711	798.159.461.273
Phải trả người bán, phải trả khác			206.792.114.234	264.221.892.126
Chi phí phải trả			1.508.279.089	2.831.791.501
			<b>905.326.468.034</b>	<b>1.065.213.144.900</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.339.551.441	-	-	3.339.551.441
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.118.969.247	-	-	33.118.969.247
	<u>36.458.520.688</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>36.458.520.688</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.850.406.333	-	-	2.850.406.333
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.344.505.036	-	-	54.344.505.036
	<u>57.194.911.369</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.194.911.369</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	287.802.787.654	409.223.287.057	-	697.026.074.711
Phải trả người bán, phải trả khác	83.501.471.208	123.290.643.026	-	206.792.114.234
Chi phí phải trả	1.508.279.089	-	-	1.508.279.089
	<b>372.812.537.951</b>	<b>532.513.930.083</b>	<b>-</b>	<b>905.326.468.034</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	268.936.174.216	480.000.000.000	49.223.287.057	798.159.461.273
Phải trả người bán, phải trả khác	263.055.761.804	1.166.130.322	-	264.221.892.126
Chi phí phải trả	2.831.791.501	-	-	2.831.791.501
	<b>534.823.727.521</b>	<b>481.166.130.322</b>	<b>49.223.287.057</b>	<b>1.065.213.144.900</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	386.960.072.766	214.559.290.794
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	488.093.459.328	257.473.116.578

### 32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>394.591.171.561</b>	<b>283.311.189.455</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	394.591.171.561	283.311.189.455

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mua hàng		927.540.054	1.007.595.209
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	927.540.054	1.007.595.209
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	21.128.736.965
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	-	21.128.736.965
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		50.318.014	30.755.146
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	50.318.014	30.755.146
<b>Người mua trả tiền trước</b>		4.034.166.659	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	4.034.166.659	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.114.154.625	2.115.000.000

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*CTZ*

*Nguyễn Thị Minh Châu*



**Phan Lệ Giang**  
Người lập

**Nguyễn Thị Minh Châu**  
Kế toán trưởng

**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

